TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 12/6/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Giới

2. Ông Bùi Văn Phục

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp 2, xã Hòa A, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm: 1980; Địa chỉ: ấp 2, xã Hòa A, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Quốc V; Địa chỉ: ấp 2, xã Hòa A, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: ấp 2, xã Hòa A, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 27/01/2023, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

Chị T và anh Trần Văn B làm lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị T và anh B thường xuyên cự cải vì bất đồng quan điểm sống, từ đó dẫn

đến mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng cũng đã chính thức ly thân từ năm 2022 đến nay và không hàn gắn đoàn tụ được.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Tuấn K, sinh ngày: 24/12/2009.

Về tài sản chung: có 05 chỉ vàng 24K và phần tiền cố đất cho ông Trần Quốc V (chú anh B) là 200.000.000 đồng.

Về nợ chung: Nợ bà Nguyễn Thị T (mẹ anh B) là 100.000.000 đồng

Nay chị Lê Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn B; Về con chung: chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trần Tuấn K, sinh ngày: 24/12/2009, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật; Về tài sản chung: Chị T yêu cầu được chia ½ số tiền 200.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K; nợ chung: đồng ý chia ½ trả cho bà Nguyễn Thị T 100.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 13/03/2023 chị T đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Lê Thị Thu T có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Thu T và anh Trần Văn B làm lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tin yêu nhau, bất đồng quan điểm và vợ chồng không thật sự quan tâm chăm sóc cho nhau, từ đó dẫn đến không còn hạnh phúc và chính thức ly thân, trong suốt quá trình ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án anh B biết chị T xin ly hôn nhưng vẫn không đến Tòa án giải quyết. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Trần Tuấn K, sinh ngày: 24/12/2009 chị Lê Thị Thu T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị T chăm sóc nuôi dưỡng con chu đáo, anh B không tranh chấp nuôi con và cháu

K cũng có nguyện vọng được sống chung với chị T. Vì vậy xét về điều kiện mọi mặt nhằm bảo đảm quyền lợi và môi trường sống cho cháu K, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đối với việc chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật là phù hợp, nên Hội đồng xét xử áp dụng 1/2 mức lương cơ bản do Nhà nước quy định là 745.000 đồng, để buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu K trưởng thành (tròn 18 tuổi), theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh B, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: chị T rút yêu cầu chia tài sản chung, để tự thoả thuận với anh B, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

Về nợ chung: bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 147, 217, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị Thu T

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị Thu T

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Thu T và anh Trần Văn B được ly hôn.

Về con chung: chị Lê Thị Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trần Tuấn K, sinh ngày: 24/12/2009. Anh Trần Văn B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/6/2023. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh B không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Lê Thị Thu T và anh Trần Văn B có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung; Về nợ chung: các đương sự không ai yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000302 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Lê Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí 1.587.500 đồng, theo biên lai số 0000303 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Án phí cấp dưỡng: anh Trần Văn B phải nộp 300.000 đồng

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng